

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-ST

Ngày: 21-8-2019

V/v: “*Tranh chấp tiền hụi và
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Hận

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp tiền hụi và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1965 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1955 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày: Ngày 05/12/2017 dương lịch bà mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, tổng số 17 chung, bà T tham gia chơi 01 chung và chơi chung với bà Nguyễn Thị L 01 chung. Đến tháng 01 năm 2018 dương lịch bà T bỏ thăm 760.000 đồng và hốt hụi, bà đã giao cho bà T số tiền cụ thể như sau:

Chết 01 chung x 2.000.000 đồng = 2.000.000 đồng.

Sống 15 chung x 1.240.000 đồng = 18.600.000 đồng.

Trừ tiền còn 1.200.000 đồng, còn lại 19.400.000 đồng.

Bà đã giao cho bà T số tiền 19.400.000 đồng, đây hội này bà T đã đóng hội cho bà 07 tháng (đến tháng 8 năm 2018) với số tiền 14.000.000 đồng, từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2019 thì miễn hội nhưng bà T không đóng hội cho bà là 05 tháng, nên bà phải trả tiền hội chết cho bà T với số tiền 10.000.000 đồng.

Đến tháng 3 năm 2018 dương lịch bà T với bà L bỏ thăm 920.000 đồng và hốt chung hội thứ hai, bà đã giao cho bà L số tiền cụ thể như sau:

Chết 3 chung x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

Sống 10 chung x 1.080.000 đồng = 10.080.000 đồng.

Trừ tiền còn 1.200.000 đồng, còn lại 15.600.000 đồng.

Bà đã giao cho bà L số tiền 15.600.000 đồng, đây hội này bà L đã đóng xong cho bà, còn bà T không đóng hội từ tháng 09 năm 2018 đến tháng 01/2019 cho bà là 05 tháng với số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng bà T nợ bà số tiền hội là 15.000.000 đồng.

Ngày 30/4/2018 âm lịch bà T nhờ bà vay tiền dùm 6.000.000 đồng, khi bà giao tiền cho bà T thì không có làm biên nhận, nhưng từ khi vay đến nay bà T không trả cho bà. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà số tiền nợ và tiền hội với tổng số tiền 21.000.000 đồng.

Đối với số tiền hội của bà Nguyễn Thị L thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do bà L đã đóng xong tiền hội chết cho bà.

** Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T trình bày:* Bà thừa nhận có tham gia chơi 01 chung hội và hùn với bà L tham gia chơi 01 chung hội do bà L làm chủ mở ngày 05/12/2017 dương lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng đúng như bà L trình bày. Nhưng 02 chung hội trên bà đã đóng hội đầy đủ cho bà L, hiện bà chỉ còn nợ lại bà L số tiền hội 6.000.000 đồng, không phải 15.000.000 đồng như bà L trình bày. Bởi vì, giữa bà với bà L không có làm biên nhận đóng tiền với nhau, chỉ tới tháng đóng hội thì bà đóng hội cho bà L. Đối với số tiền vay 6.000.000 đồng bà thừa nhận có nợ bà L, nhưng số tiền nợ trên con bà khi hốt hội đã trả cho bà L xong, nhưng khi con bà trả tiền thì không có làm biên nhận. Nay bà L yêu cầu bà trả tổng số tiền 21.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì số tiền vay bà đã trả xong, còn tiền hội bà chỉ nợ 6.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền hội 6.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ngày 05 tháng 12 năm 2017 dương lịch bà Nguyễn Kim L mở dây hội, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, tổng số có 14 chung.

Khi đó bà Lê Thị T tham gia chơi 01 chung và hùng với bà tham gia chơi 01 chung. Đến tháng 3 năm 2018 bà với bà T hốt hụi và bà L đã giao tiền hụi cho bà. Sau khi nhận tiền hụi bà đã chia tiền hụi với bà T nửa chung. Bắt đầu từ tháng 4 năm 2018 bà đã đóng hụi cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng và hiện nay đã đóng xong chung hụi. Còn việc bà T còn nợ tiền hụi bà L bao nhiêu thì bà không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Kim L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả tiền hụi và tiền vay. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp tiền hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà L yêu cầu Tòa án buộc bà T trả tiền hụi và tiền vay với số tiền 21.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà T thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, loại hụi, ngày khui, số chân tham gia, tổng số chân trong dây hụi thì bà T đều thống nhất. Điều đó, cho thấy giữa bà L với bà T có xác lập hợp đồng chơi hụi với nhau là có thật. Tuy nhiên, giữa bà L và bà T không thống nhất được với nhau về số tiền hụi còn thiếu. Đối với số tiền hụi còn thiếu của 02 chung hụi, Hội đồng xét xử xét thấy ngoài lời trình bày của hai bên đương sự thì bà L, bà T không có tài liệu hay chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của các bên đương sự để xem xét điều kiện có lợi cho các bên để đưa ra số tiền còn thiếu phù hợp cho dây hụi và số tiền vay cụ thể như sau:

Đối với chung hụi bà T tham gia thì bà L xác định bà T đóng hụi chết còn lại 05 lần với số tiền 15.000.000 đồng, tuy nhiên ngoài lời trình bày của bà L thì bà L không cung cấp được biên nhận, giấy tờ gì thể hiện dây hụi này bà T đóng còn lại 05 lần. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà T xác định bà đóng hụi còn nợ lại bà L 02 lần hụi chết với số tiền 6.000.000 đồng. Xét thấy, lời thừa nhận của bà T có lợi cho bà L nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc bà T trả cho bà L số tiền hụi 6.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 6.000.000 đồng bà T thừa nhận có vay của bà L và bà T cho rằng đã nhờ con ruột trả cho bà L xong, nhưng bà L không thừa nhận. Ngoài lời trình bày của bà T thì bà T không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc bà T trả số tiền vay 6.000.000 đồng.

Từ các nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà T trả tiền hui và tiền vay với tổng số tiền 12.000.000 đồng, số tiền hui không được chấp nhận 9.000.000 đồng.

Đối với số tiền hui của bà Nguyễn Thị L, thì bà L đã đóng hui xong và bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà L phải chịu đối với số tiền hui không được chấp nhận là 450.000 đồng ($9.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 450.000 \text{ đồng}$). Bà T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 600.000 đồng ($12.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 600.000 \text{ đồng}$), nhưng do bà T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463; 468; 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, Điều 12, khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường.

* Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L về việc yêu cầu bà Lê Thị T trả tiền hui và tiền vay.

Buộc bà Lê Thị T trả cho bà Nguyễn Kim L 6.000.000 đồng tiền hui và 6.000.000 đồng tiền vay. Tổng cộng số tiền 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc bà T trả số tiền hui với số tiền 9.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Lê Thị T thuộc người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí. Bà L phải chịu án phí số tiền 450.000 đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2019 bà L đã dự nộp 525.000 đồng theo biên lai số 0004396 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ. Bà L được nhận lại số tiền 75.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Kim L và bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận